

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2020/DS-ST

Ngày 17-01-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ho

2. Ông Phan Quang Thịnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 119/2019/TLST-DS ngày 12/8/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 08/01/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H** (tên thường gọi: Tích, H Tích), sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn Đăk Lim, xã Đ O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “*có mặt*”

Ông **Lê Xuân D**, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Bù Lư, xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “*vắng mặt*” (Đã có văn bản ủy quyền cho bà Phạm Thị H, sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn Đ L, xã Đ O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước)

2. Bị đơn: Bà **Miêu Nhị M**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “*vắng mặt*”

3. Người làm chứng:

Chị Lưu Thị S, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “*vắng mặt*”

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn 7, xã Đ O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “*vắng mặt*”

NỘI D VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Xuân D trình bày đơn tại khởi kiện; tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay như sau:

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 05/12/2015 tôi có cho bà Miu Nhịt M vay số tiền 4.000.000 đồng và ngày 20/12/2015 tôi cho bà M vay tiếp 2.000.000 đồng. Cả hai lần vay này bà M và tôi đều hẹn vay 10 ngày sẽ trả, có tính lãi là 5%/triệu/tháng. Cả hai lần vay đều do con gái bà M là chị Lưu Thị S đi cùng viết hộ giấy vay. Sau khi chị S viết xong giấy thì bà M ký tên bên phần người mượn. Cả hai lần vay này viết chung trên 01 giấy vay.

Đến ngày 30/12/2015 bà M đến nh tôi hỏi vay số tiền 82.000.000 đồng để đáo hạn ngân Hng. Do tôi không có tiền nên khi đó con trai của tôi là Lê Xuân D có tiền thì tôi nói bà M vay tiền của D, nên D đồng ý cho bà M vay 82.000.000 đồng. Lần vay này chị S cũng là viết giấy và cả bà M, chị S cùng ký vào giấy. Khi vay bà M và D thỏa thuận là vay 10 ngày sẽ trả, có tính lãi là 5%/triệu/tháng. Khi vay có bà Nguyễn Thị H ở thôn 7, xã Đ O chứng kiến và có ký tên.

Tuy nhiên đối với cả 03 lần vay này bà M chưa trả cho tôi được số tiền vay gốc và tiền lãi nào cả, tôi đòi thì bà M cứ hứa hẹn nhiều lần sẽ trả và bán đất để trả nhưng vẫn không thực hiện.

Tôi đã nộp đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ O giải quyết, yêu cầu bà M trả tiền, thì tại buổi hòa giải bà M có tham gia, thừa nhận có vay tiền của tôi nhưng không đồng ý hòa giải mà tự ý bỏ về, không có thiện chí trả nợ cho tôi. Nay tôi yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền gốc vay 2.000.000 đồng và 4.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi suất; trả cho anh Lê Xuân D số tiền gốc vay 82.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Đối với việc bà M trình bày trước đây có vay của tôi số tiền 270.000.000 đồng, sau đó bà M trả cho tôi được 200.000.000 đồng, còn nợ 70.000.000 đồng, hẹn tôi 10 ngày sẽ trả và tôi tính lãi của 10 ngày tHnh số tiền 12.000.000 đồng, tiền gốc và lãi tổng cộng 82.000.000 đồng nên tôi yêu cầu chốt lại số tiền 82.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 30/12/2015. Đây là lời trình bày không đúng, sự việc bà M trình bày là không có thật.

Bị đơn bà Miu Nhịt M trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2019 như sau:

Vào ngày 05/12/2015 tôi có vay của bà H (hay gọi là bà Tích) số tiền 4.000.000 đồng và ngày 20/12/2015 tôi vay thêm của bà H 2.000.000 đồng, cả hai số tiền này tôi hẹn bà H vay vài ngày sẽ trả và bà H đều tính lãi là 3.500 đồng/triệu/ngày. Tuy nhiên đến nay tôi vẫn chưa trả được tiền vay gốc và khoản tiền lãi nào cho bà H cả.

Tiếp theo vào năm 2015 (không nhớ rõ ngày, tháng) tôi vay của bà H số tiền 270.000.000 đồng để trả nợ ngân Hng, sau đó tôi trả cho bà HAN được 200.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng thì chưa trả được. Do đó đến ngày 30/12/2015 bà H tính lãi của số tiền 70.000.000 đồng trong vòng 10 ngày là 12.000.000 đồng, tHnh tổng cộng 82.000.000 đồng, số tiền 82.000.000 đồng này bà H cũng tiếp tục tính lãi là 1.200.000 đồng/ngày. Khi đó bà H có viết giấy tay giấy mượn tiền và tôi có ký tên bên dưới. Số tiền

82.000.000 đồng này tôi vay của bà H, không phải vay của ông Lê Xuân D. Tôi chỉ đồng ý trả cho bà H các số tiền vay 2.000.000 đồng, 4.000.000 đồng, còn số tiền 82.000.000 đồng thì tôi chỉ đồng ý trả 70.000.000 đồng tiền gốc, còn số tiền 12.000.000 đồng là tiền lãi quá cao nên tôi không đồng ý trả.

Ý kiến Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả các số tiền gốc vay 4.000.000 đồng, 2.000.000 đồng và 82.000.000 đồng.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản do nguyên đơn bà Phạm Thị H và ông Lê Xuân D thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn bà Miu Nhịt M cư trú tại thôn 9, xã Đ Ổ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn bà Miu Nhịt M mặc dù có mặt tại địa phương, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà M vẫn vắng mặt trong các lần làm việc. Tại phiên tòa hôm nay bà M vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

[3] Về việc áp dụng pháp luật nội D để giải quyết vụ án: Giữa các đương sự xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 15/12/2015, ngày 20/12/2015 và ngày 30/12/2015 là các thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, giao dịch này đến thời điểm xét xử vụ án vẫn đang được thực hiện do M chưa thực hiện việc trả nợ. Do các quy định về hợp đồng vay của Bộ luật dân sự năm 2005 khác các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 về một số nội dung của hợp đồng vay không có lãi nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về hợp đồng vay tài sản để xét xử vụ án.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Xuân D yêu cầu bị đơn bà M phải trả cho nguyên đơn bà H

số tiền gốc vay 2.000.000 đồng và 4.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi suất; trả cho ông Lê Xuân D số tiền gốc vay 82.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Yêu cầu này được bà H chứng minh qua lời trình bày của mình có trong hồ sơ vụ án, cũng như các chứng cứ của việc vay tiền đó là: giấy vay đề ngày 15/12/2015, giấy vay đề ngày 20/12/2015 và giấy vay đề ngày 30/12/2015. Xét các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp là bản giấy gốc, giấy này do chính chị Lưu Thị S con gái của bà M viết tay, bên dưới các giấy người vay bà M đều có ký tên, ghi họ tên bên dưới, giấy chưa bị gạch xóa, xé bỏ, nội dung thỏa thuận việc vay giữa các đương sự không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử nhận định việc xác lập hợp đồng vay giữa bà H, ông D và bà M là có thật. Đồng thời lời khai của bị đơn bà M thừa nhận có xác lập việc vay các số tiền 2.000.000 đồng, 4.000.000 đồng và 82.000.000 đồng của bà H, các chữ ký và ghi họ tên trong các giấy vay do bà H cung cấp là của bà, do bà tự nguyện viết khi vay tiền của bà H. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà H và ông D là có căn cứ, do đó cần buộc bà M có nghĩa vụ trả lại bà H các số tiền số tiền gốc vay 2.000.000 đồng và 4.000.000 đồng và trả cho ông Lê Xuân D số tiền gốc vay 82.000.000 đồng.

Đối với bà M cho rằng số tiền 82.000.000 đồng bà vay của bà H chứ không phải vay của ông Lê Xuân D, tuy nhiên tại giấy vay thể hiện tên người cho vay là Lê Xuân D, ông D là nam nhưng chị Lưu Thị S viết sai là bà và bà M cho rằng số tiền vay 82.000.000 đồng theo giấy vay ngày 30/12/2015 thì trong đó chỉ có 70.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi, chứ không phải toàn bộ số tiền 82.000.000 đồng là tiền gốc vay, tuy nhiên bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ và người làm chứng cho lời trình bày của mình, do đó Hội đồng xét xử căn cứ giấy vay ngày 30/12/2015 là chứng cứ để buộc bà M trả số tiền vay gốc 82.000.000 đồng cho ông Lê Xuân D.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H và ông Lê Xuân D, buộc bà M có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho bà H và ông D. Xét thấy đề xuất của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn bà M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H và ông Lê Xuân D.

Buộc bị đơn bà Mìu Nhịt M có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị H số tiền gốc vay tổng cộng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và trả cho ông Lê Xuân D số tiền gốc vay 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) bà M phải chịu.

Trả lại nguyên đơn bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019914 ngày 12/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Trả lại nguyên đơn ông Lê Xuân D số tiền tạm ứng án phí 2.646.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019913 ngày 12/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hải Ly

